TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN** Số: **105**/2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thái Nguyên, ngày 29 tháng 3 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa :

Nguyên đơn: Anh Trần Việt T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 11, phường Q , thành phố T , tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 12, phường T , thành phố T , tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 , Điều 213 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357; 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Việt T và Chị Vũ Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Việt T và chị Vũ Thị C đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Đăng M , sinh ngày 18/02/2020. Các bên thống nhất giao cho chị C nuôi cháu M cho đến khi cháu M khôn lớn trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có

trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị C là **3.500.000**đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2022.

Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh T phải nộp **150.000**đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và **150.000**đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)* án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001037 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Tòa án nhân dân tỉnhTN;*
- *VKSND thành phố TN;*
- *VKSND tỉnh TN;*
- *UBND phường Tích Lương.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

VŨ DUY CHINH